

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ  
VI NA TA BA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

M.S.D.N  
DU

## MỤC LỤC

---

---

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

11/11/2015

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Vũ Thị Mai Thủy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tông	Phó Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

## 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

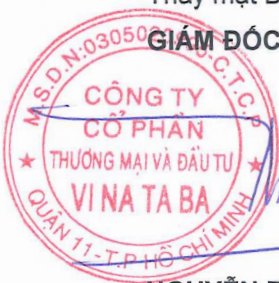
## 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

**GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Số: 16.273/BCKT-DTL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

***Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính***

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**THE POWER OF BEING UNDERSTOOD**  
AUDIT | TAX | CONSULTING

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0425-2014-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2124-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.282.721.703</b>	<b>7.995.846.439</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>10.712.676.488</b>	<b>6.343.427.381</b>
1. Tiền	111		7.712.676.488	2.156.294.326
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	4.187.133.055
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.944.787.206</b>	<b>991.506.163</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	17.160.378.522	659.746.163
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			36.260.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	1.784.408.684	295.500.000
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.5)	<b>18.450.721.168</b>	<b>640.576.391</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.450.721.168	640.576.391
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.174.536.841</b>	<b>20.336.504</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.599.639	20.336.504
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.164.937.202	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.808.163.459</b>	<b>107.201.540.472</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		15.000.000	15.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.667.706.141</b>	<b>5.309.136.397</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	2.667.706.141	5.309.136.397
+ Nguyên giá	222		12.625.247.893	12.625.247.893
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.957.541.752)	(7.316.111.496)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>7.959.667.884</b>	
+ Nguyên giá	231	(5.7)	7.979.619.120	
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.951.236)	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			<b>7.757.590.001</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			7.757.590.001
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.2)	<b>5.000.000.000</b>	<b>4.968.128.786</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			(31.871.214)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>87.165.789.434</b>	<b>89.151.685.288</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	87.165.789.434	89.151.685.288
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>152.090.885.162</b>	<b>115.197.386.911</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

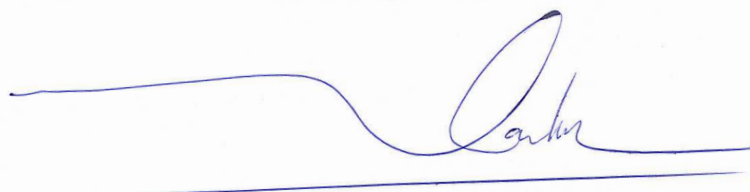
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.241.800.522</b>	<b>4.347.821.849</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.728.332.578</b>	<b>2.894.353.905</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.9)	19.933.196.837	152.957.530
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		127.545.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	3.299.862.957	95.998.994
4. Phải trả người lao động	314	(5.12)	501.742.957	388.068.194
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.13)	585.896.167	284.990.730
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.14)	2.979.563.659	471.813.456
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.10)	1.300.000.000	1.500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		525.001	525.001
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.513.467.944</b>	<b>1.453.467.944</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.14)	1.513.467.944	1.453.467.944
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>121.849.084.640</b>	<b>110.849.565.062</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.15.1)	<b>121.849.084.640</b>	<b>110.849.565.062</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.15.2)	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		314.868.226	314.868.226
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		61.262.340	61.262.340
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.472.954.074	(3.526.565.504)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(3.526.565.504)	(3.526.565.504)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.999.519.578	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>152.090.885.162</b>	<b>115.197.386.911</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



**CAO PHƯỚC THÁI HÒA**

Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

NGƯỜI DUYỆT



**NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		344.869.131.927	28.734.897.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	344.869.131.927	28.734.897.673
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	316.790.599.242	25.669.898.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.078.532.685	3.064.999.196
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		372.442.521	277.428.050
7. Chi phí tài chính	22		87.103.786	113.355.313
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>118.975.000</i>	<i>237.495.269</i>
8. Chi phí bán hàng	25	(6.3)	10.137.446.420	549.383.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.4)	6.345.071.856	4.208.963.602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.881.353.144	(1.529.274.727)
11. Thu nhập khác	31	(6.5)	5.499.027.960	6.035.873.500
12. Chi phí khác	32	(6.6)	2.510.967.674	3.005.614.090
13. Lợi nhuận khác	40		2.988.060.286	3.030.259.410
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.869.413.430	1.500.984.683
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	3.869.893.852	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.999.519.578	1.500.984.683
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.5)	965	132
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.14.5)	965	132

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU


**CAO PHƯỚC THÁI HÒA**

Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

NGƯỜI DUYỆT

**NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.869.413.430	1.500.984.683
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		2.661.381.492	2.662.488.645
Các khoản dự phòng	03		(31.871.214)	(124.139.956)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(372.442.521)	193.458.878
Chi phí lãi vay	06		118.975.000	237.495.269
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>17.245.456.187</b>	<b>4.470.287.519</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.118.218.245)	643.226.472
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.810.144.777)	(388.956.373)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.681.300.190	(75.319.717)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.996.632.719	2.190.956.953
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.833.750)	(237.495.269)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(599.385.738)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			429.778.812
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(3.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.376.806.586</b>	<b>7.029.428.397</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(47.150.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			90.909.091
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			200.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		192.442.521	130.928.050
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>192.442.521</b>	<b>374.687.141</b>

*(Xem trang tiếp theo)*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(200.000.000)	(4.454.228.374)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(792.750.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(200.000.000)</b>	<b>(5.246.978.374)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>4.369.249.107</b>	<b>2.157.137.164</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>6.343.427.381</b>	<b>4.186.290.217</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>10.712.676.488</b>	<b>6.343.427.381</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**NGƯỜI DUYỆT**



**CAO PHƯỚC THÁI HÒA**

Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

**NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Cổ đông	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	15.050.000.000	13,09%	15.050.000.000	13,09%	
Cổ đông khác	99.950.000.000	86,91%	99.950.000.000	86,91%	
<b>Cộng</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18 (31/12/2014: 17 nhân viên).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá; giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá; phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

## 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.23.

#### **4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### **4.4. Nợ phải thu**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

##### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.5. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**4.6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc, chủ yếu là chi phí thuê văn phòng, phí quản lý căn hộ và chi phí công cụ dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 07 năm      |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 03 năm      |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 07 năm      |

**4.8. Tài sản cố định vô hình**

***Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 3 năm.

**4.9. Bất động sản đầu tư**

***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 50 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**4.10. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

## ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

*Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

### **4.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **4.12. Lương**

Quý lương của cán bộ nhân viên và Giám đốc Công ty được trích căn cứ vào Nghị quyết số 06/NQ-VNTB về việc phê duyệt quỹ tiền lương năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty ngày 19 tháng 05 năm 2015.

### **4.13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí mua căn hộ, chi phí khác... được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### **4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

### **4.15. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.16. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**4.18. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

**4.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

**4.20. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.22. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%

### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **4.23. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

#### Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	295.500.000	146.500.000
Tài sản ngắn hạn khác	-	149.000.000
Phải thu dài hạn khác	15.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	15.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.500.000.000	-
Vay ngắn hạn	-	1.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	314.868.226	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	314.868.226

#### Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	VND	
	Năm trước	Năm trước
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	6.035.873.500	6.126.782.591
Chi phí khác	3.005.614.090	3.096.523.181

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng	Trình bày là khoản phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác
Nhận kí quỹ dài hạn	Trình bày là khoản phải thu dài hạn khác	Trình bày là tài sản dài hạn khác
Vay ngắn hạn	Trình bày là khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Trình bày là khoản vay và nợ ngắn hạn
Quỹ dự phòng tài chính	Trình bày là quỹ đầu tư phát triển	Trình bày là quỹ dự phòng tài chính
Thu nhập khác, chi phí khác	Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT với giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý	Không cần trừ khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT với giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý

(Xem trang tiếp theo)

## CÔNG TY CỔ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	18.913.611	101.866.332
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.693.762.877	2.054.427.994
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	4.187.133.055
<b>Cộng</b>	<b><u>10.712.676.488</u></b>	<b><u>6.343.427.381</u></b>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Việt Nam Thương Tín với lãi suất 5%/năm.

#### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH Bao Bì Hiệp Nguyên VINA	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	2.968.128.786	(31.871.214)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>4.968.128.786</u></b>	<b><u>(31.871.214)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**5.3. Phải thu của khách hàng**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Vạn Thịnh	2.125.750.000	-
Doanh nghiệp tư nhân thuốc lá Kim Oanh	1.700.600.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Phú Thịnh	1.275.450.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Dũng A	850.300.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt	850.300.000	-
Công ty CP Thực phẩm nông sản Quảng Ngãi	850.300.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Hồng	817.685.000	-
Các khách hàng khác	8.689.993.522	659.746.163
<b>Cộng</b>	<b><u>17.160.378.522</u></b>	<b><u>659.746.163</u></b>

**5.4. Phải thu khác**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	180.000.000	-	146.500.000	-
Phải thu người lao động	-	-	149.000.000	-
Phải thu Công ty TNHH MTV thuốc lá Sài Gòn tiền hỗ trợ phát triển thị trường	1.602.900.000	-	-	-
Phải thu khác	1.508.684	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.784.408.684</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>295.500.000</u></b>	<b><u>-</u></b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**5.5. Hàng tồn kho**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	8.974.328	-	3.718.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	320.427.400	-	362.874.791	-
Hàng hóa	18.121.319.440	-	273.983.600	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18.450.721.168</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>640.576.391</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	VND			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	11.260.097.994	1.179.243.380	185.906.519	12.625.247.893
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>11.260.097.994</u></b>	<b><u>1.179.243.380</u></b>	<b><u>185.906.519</u></b>	<b><u>12.625.247.893</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	6.255.609.996	942.725.085	117.776.415	7.316.111.496
Khấu hao trong năm	2.502.243.996	123.400.836	15.785.424	2.641.430.256
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>8.757.853.992</u></b>	<b><u>1.066.125.921</u></b>	<b><u>133.561.839</u></b>	<b><u>9.957.541.752</u></b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày đầu năm	5.004.487.998	236.518.295	68.130.104	5.309.136.397
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>2.502.244.002</u></b>	<b><u>113.117.459</u></b>	<b><u>52.344.680</u></b>	<b><u>2.667.706.141</u></b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 279.949.776 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND
				Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê:</b>				
Nguyên giá:	-	-	-	-
Nhà	-	7.979.619.120	-	7.979.619.120
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>7.979.619.120</u>	<u>-</u>	<u>7.979.619.120</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	-	-	-	-
Nhà	-	19.951.236	-	19.951.236
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>19.951.236</u>	<u>-</u>	<u>19.951.236</u>
Giá trị còn lại:	-	-	-	-
Nhà	-	7.959.667.884	-	7.959.667.884
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>7.959.667.884</u>	<u>-</u>	<u>7.959.667.884</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Nguyên nhân: Giá trị còn lại của các bất động sản đầu tư này là công trình xây dựng trên đất nên Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

**5.8. Chi phí trả trước dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê Cao ốc Số 83A Đường Lý Thường Kiệt	86.725.411.573	88.823.588.233
Chi phí công cụ, dụng cụ	78.254.241	68.618.598
Chi phí khác	362.123.620	259.478.457
<b>Cộng</b>	<u>87.165.789.434</u>	<u>89.151.685.288</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**5.9. Phải trả người bán**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
Công ty TNHH MTV thuốc lá Sài Gòn	19.480.904.300	19.480.904.300	2.418.075	2.418.075
Phải trả cho các đối tượng khác	452.292.537	452.292.537	150.539.455	150.539.455
<b>Cộng</b>	<b><u>19.933.196.837</u></b>	<b><u>19.933.196.837</u></b>	<b><u>152.957.530</u></b>	<b><u>152.957.530</u></b>

**5.10. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Ngàn VND					
	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.300.000	1.300.000	-	(200.000)	1.500.000	1.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.300.000</u></b>	<b><u>1.300.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(200.000)</u></b>	<b><u>1.500.000</u></b>	<b><u>1.500.000</u></b>

Vay ngắn hạn là các khoản vay cá nhân tín chấp có thời hạn 3 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và chịu lãi suất 9%/năm.

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	82.176.037	2.513.441.291	2.595.617.328	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.869.893.852	599.385.738	3.270.508.114
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.822.957	285.343.559	269.811.673	29.354.843
<b>Cộng</b>	<b><u>95.998.994</u></b>	<b><u>6.673.678.702</u></b>	<b><u>3.469.814.739</u></b>	<b><u>3.299.862.957</u></b>

**5.12. Phải trả người lao động**

Là khoản trích lương bổ sung nhưng thực tế chưa chi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí trưng bày sản phẩm	-	148.470.000
Trích trước phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza	457.429.119	-
Các khoản trích trước khác	128.467.048	136.520.730
<b>Cộng</b>	<b><u>585.896.167</u></b>	<b><u>284.990.730</u></b>

**5.14. Phải trả khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	457.745.000	405.025.000
Phải trả các khoản hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường	2.453.406.403	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.412.256	66.788.456
<b>Cộng</b>	<b><u>2.979.563.659</u></b>	<b><u>471.813.456</u></b>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ thuê văn phòng từ VPĐD tổ chức ChildFund Australia tại Việt Nam	839.980.976	839.980.976
Nhận ký quỹ thuê văn phòng từ Công ty TNHH tư vấn và đầu tư ISC	367.416.312	367.416.312
Nhận ký quỹ thuê văn phòng từ Công ty TNHH Thương Mại LK	246.070.656	246.070.656
Khác	60.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.513.467.944</u></b>	<b><u>1.453.467.944</u></b>

**5.15. Vốn chủ sở hữu****5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(5.027.550.187)	109.348.580.379
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.500.984.683	1.500.984.683
Số dư đầu năm nay	<u>114.000.000.000</u>	<u>314.868.226</u>	<u>61.262.340</u>	<u>(3.526.565.504)</u>	<u>110.849.565.062</u>
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.999.519.578	10.999.519.578
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>114.000.000.000</u></b>	<b><u>314.868.226</u></b>	<b><u>61.262.340</u></b>	<b><u>7.472.954.074</u></b>	<b><u>121.849.084.640</u></b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 114 tỷ đồng, đạt 99,13% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam	15.050.000.000	15.050.000.000
Các cổ đông khác	98.950.000.000	98.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>114.000.000.000</u></b>	<b><u>114.000.000.000</u></b>

**5.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	114.000.000.000	114.000.000.000
Vốn góp cuối năm	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	792.750.000

**5.15.4. Cổ phiếu**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	11.400.000	11.400.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**5.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	10.999.519.578	1.500.984.683
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.400.000	11.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>965</u></b>	<b><u>132</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	337.351.787.464	21.172.001.107
Doanh thu dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	5.739.592.779	5.517.236.012
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	1.777.751.684	1.311.115.100
Doanh thu dịch vụ tư vấn	-	730.000.000
Doanh thu khác	-	4.545.454
<b>Cộng</b>	<b><u>344.869.131.927</u></b>	<b><u>28.734.897.673</u></b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	310.565.261.746	20.205.127.540
Giá vốn dịch vụ cho thuê phòng, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	4.834.019.921	4.410.853.079
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	1.391.317.575	584.097.611
Giá vốn dịch vụ tư vấn	-	469.820.247
<b>Cộng</b>	<b><u>316.790.599.242</u></b>	<b><u>25.669.898.477</u></b>

**6.3. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.601.397.518	538.233.054
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.460.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.418.890	-
Chi phí bằng tiền khác	8.377.170.012	11.150.004
<i>Chi phí hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường</i>	5.714.688.616	-
<i>Chi phí sản phẩm mẫu</i>	2.609.527.236	-
<i>Khác</i>	52.954.160	11.150.004
<b>Cộng</b>	<b><u>10.137.446.420</u></b>	<b><u>549.383.058</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.547.019.090	2.315.868.669
Chi phí vật liệu quản lý	187.642.011	99.817.159
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.412.277	57.934.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.336.051	44.285.856
Thuế, phí và lệ phí	21.900.208	8.651.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.252.186.909	995.213.062
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	276.000.000	276.000.000
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	157.172.183	130.446.618
<i>Chi phí dịch vụ bảo vệ</i>	156.000.000	165.000.000
<i>Chi phí khác</i>	663.014.726	423.766.444
Chi phí bằng tiền khác	1.140.575.310	687.192.892
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	234.000.000	231.000.000
<i>Chi phí tiếp khách</i>	297.917.649	218.720.781
<i>Chi phí khác</i>	608.657.661	237.472.111
<b>Cộng</b>	<b><u>6.345.071.856</u></b>	<b><u>4.208.963.602</u></b>

**6.5. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê tài sản cố định	5.400.000.000	5.400.000.000
Thu nhập khác	99.027.960	635.873.500
<b>Cộng</b>	<b><u>5.499.027.960</u></b>	<b><u>6.035.873.500</u></b>

**6.6. Chi phí khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	470.886.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định cho thuê	2.508.568.996	2.534.727.162
Các khoản khác	2.398.678	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.510.967.674</u></b>	<b><u>3.005.614.090</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	331.081.413.621	19.929.081.051
Chi phí nhân công	5.202.234.728	2.987.190.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.137.496	136.836.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.085.502.323	3.677.915.253
Chi phí khác bằng tiền	11.549.717.799	4.086.178.572
<b>Cộng</b>	<b><u>351.078.005.967</u></b>	<b><u>30.817.201.510</u></b>

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.869.893.852	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>3.869.893.852</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	14.869.413.430	1.500.984.683
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	8.910.584.340	276.400.000
Trừ: Chuyển lỗ năm 2012	(5.452.412.399)	(7.254.582.489)
Trừ: Chuyển lỗ năm 2013	<u>(737.158.770)</u>	<u>-</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	17.590.426.601	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	<u>22%</u>	<u>22%</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.869.893.852	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b><u>3.869.893.852</u></b>	<b><u>-</u></b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo hướng dẫn quyết toán năm 2015 (Luật thuế TNDN).

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

## 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

### Danh sách các bên liên quan

### Mối quan hệ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	243.000.000	231.000.000
Thu nhập Giám đốc	513.483.924	383.487.942
<b>Cộng</b>	<b><u>756.483.924</u></b>	<b><u>614.487.942</u></b>

## 8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Doanh thu bán hàng năm 2015 của Công ty đạt 344 tỷ đồng, tăng 316 tỷ đồng so với doanh thu bán hàng năm 2014 chủ yếu do Công ty kinh doanh sản phẩm mới SAIGON Silver Demi Slim BC từ đầu năm 2015 với doanh thu khoảng 311 tỷ đồng.

## 10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 17 tháng 03 năm 2016.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGƯỜI DUYỆT



**CAO PHƯỚC THÁI HÒA**

**NGUYỄN ĐỨC THUẬN**

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Giám đốc